

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 02/02/2024.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.

2. Ông Nguyễn Văn Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thùy-Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/02/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 238/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2023 về tranh chấp: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Phạm Trung K, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Ngọc S có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Trung K vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc S trình bày: Chị và anh Phạm Trung K qua thời gian quen biết tìm hiểu thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào năm 2007.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, khác nhau về quan điểm sống, trong suy nghĩ cũng như trong việc làm ăn của mỗi người dẫn đến vợ chồng suốt ngày tranh cãi nhau, cuộc sống hôn nhân căng thẳng không có hạnh phúc, mạnh ai người nấy sống,

vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau. Hiện nay chị và anh K đã không còn chung sống với nhau. Nay chị xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa giải quyết cho chị và anh K được ly hôn với nhau.

Về con chung: Chị và anh Phạm Trung K có 02 con chung tên Phạm Bá S, sinh ngày 05/3/2008 và Phạm Bá U, sinh ngày 02/01/2015. Sau khi ly hôn, chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Bá U và giao con Phạm Bá S cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động; hai bên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung: Chị và anh Phạm Trung K có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Phạm Trung K không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/11/2023, bị đơn anh Phạm Trung K trình bày: Anh không đồng ý ly hôn với chị NgUễn Ngọc S.

Về con chung: Anh và chị NgUễn Ngọc S có 02 con chung tên Phạm Bá S, sinh ngày 05/3/2008 và Phạm Bá U, sinh ngày 02/01/2015. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh K đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung và giao một con chung cho chị S nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động; hai bên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung: Anh và chị NgUễn Ngọc S có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận với nhau nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị NgUễn Ngọc S không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được ngUên đơn giao nộp gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Phạm Trung K và NgUễn Ngọc S (bản sao); 02 Căn cước công dân mang tên Phạm Trung K và NgUễn Ngọc S (đều là bản photo); 01 Giấy khai sinh mang tên Phạm Bá U (bản sao); 01 Trích lục khai sinh mang tên Phạm Bá S (bản sao).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh K và chị S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, hUện K, tỉnh Gia Lai vào năm 2007. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị S giao nộp là bản sao 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Phạm Trung K và NgUễn Ngọc S (bản sao). Anh K và chị S có 02 con chung Phạm Bá S, sinh ngày 05/3/2008 và Phạm Bá U, sinh ngày 02/01/2015. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị S giao nộp là 01 Giấy khai sinh mang tên Phạm Bá U (bản sao); 01 Trích lục khai sinh mang tên Phạm Bá S (bản sao).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân hUện K phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với ngUên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn: Đã không thực hiện đầy đủ qUền và nghĩa vụ của đương sự được qU định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng vào các Điều Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng Nghị qUết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tUên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị NgUễn Ngọc S được ly hôn với anh Phạm Trung K.

Về con chung: Giao cháu Phạm Bá S, sinh ngày 05/3/2008 cho anh Phạm Trung K; giao cháu Phạm Bá U, sinh ngày 02/01/2015 cho chị NgUễn Ngọc S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị NgUễn Ngọc S và anh Phạm Trung K đều không yêu cầu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về án phí: Chị NgUễn Ngọc S là ngUên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

(*Có kèm theo bài phát biểu*)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị NgUễn Ngọc S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải qUết về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” giữa chị và anh Phạm Trung K đang sinh sống tại Tổ dân phố 10, thị trấn K, hUện K, tỉnh Gia Lai. Theo qU định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm qUền giải qUết của Tòa án nhân dân hUện K, tỉnh Gia Lai.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Trung K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; chị NgUễn Ngọc S có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị NgUễn Ngọc S và anh Phạm Trung K tự ngUên đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, hUện K, tỉnh Gia Lai theo đúng qU định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh K là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của chị NgUễn Ngọc S:

Chị S cho rằng trong quá trình chung sống giữa chị và anh K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm gì đến nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Mặc dù, anh K không đồng ý ly hôn

với chị S nhưng Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh K đến Tòa án để tham gia các phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh K đều không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục dU trì cuộc sống vợ chồng với chị S. Bên cạnh đó, tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 05/01/2024 thể hiện chị S và anh K hiện nay đã không còn chung sống với nhau tại tổ dân phố 10, thị trấn K, hUện K.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh K đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ qU định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật HN&GD năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngUên đơn, xử cho chị S được ly hôn với anh K.

[5] Về con chung: Chị NgUễn Ngọc S và anh Phạm Trung K có 02 con chung tên Phạm Bá S, sinh ngày 05/3/2008 và Phạm Bá U, sinh ngày 02/01/2015. Khi ly hôn cả anh K và chị S đều có ngUên vọng được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung. Xét về khả năng và điều kiện của người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thấy rằng: Cả chị S và anh K đều có điều kiện về mọi mặt, đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dạy con, cả hai đương sự đều có ngUên vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung tên Phạm Bá S, sinh ngày 05/3/2008 cho anh K và giao con chung Phạm Bá U, sinh ngày 02/01/2015 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị NgUễn Ngọc S và anh Phạm Trung K đều không yêu cầu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[6] Về tài sản chung: Chị NgUễn Ngọc S và anh Phạm Trung K có tài sản chung nhưng tự thoả thuận giải qUết với nhau nên đều không yêu cầu Tòa án giải qUết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị NgUễn Ngọc S và anh Phạm Trung K không có nợ chung nên đều không yêu cầu Tòa án giải qUết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị NgUễn Ngọc S là ngUên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị qUết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qU định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TUên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NgUễn Ngọc S.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị NgUễn Ngọc S được ly hôn với anh Phạm Trung K.

[2] Về con chung: Giao cháu Phạm Bá S, sinh ngày 05/3/2008 cho anh Phạm Trung K; giao cháu Phạm Bá U, sinh ngày 02/01/2015 cho chị NgUễn Ngọc S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị NgUễn Ngọc S và anh Phạm Trung K không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có qUền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo qUền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể qUết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có qUền và nghĩa vụ đối với con chung theo qU định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị NgUễn Ngọc S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003561 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự hUện K, tỉnh Gia Lai.

Bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có qUền thoả thuận thi hành án, qUền yêu cầu thi hành án, tự ngUện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về qUền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qU định của pháp luật, các đương sự có qUền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND hUện K;
- Chi cục THADS hUện K;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSA, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**CÁC HỘI THẨM ND
THẨM PHÁN-CTPT**



Bùi Thị Ngọc

Võ Thị Cảnh NgUễn Văn Thi

Bùi Thị Ngọc

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS K;
- THA K;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lành

CÁC HỘI THẨM ND

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:

-TA tỉnh;

TÒA

-VKS K;

-THA K;

-Các đương sự;

-Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**

Lê Văn NgUên